



QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên
trình độ Cao đẳng - Đợt 2/2022

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 168/2006/QĐ-TTg, ngày 17/07/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2321/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLDTBXH ngày 13/03/2017 về việc quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 29/12/2017 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-HVHKVN ngày 23/09/2019 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành quy định về công nhận kết quả miễn, chuyển điểm học phần tại Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ biên bản xét tốt nghiệp ngày 29 tháng 06 năm 2022 của Hội đồng xét tốt nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp 17 (Mười bảy) bằng Cử nhân thực hành Dịch vụ thương mại hàng không, 04 (Bốn) bằng Cử nhân thực hành Kiểm tra an ninh hàng không, 09 (Chín) bằng Kỹ sư thực hành Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay, 12 (Mười hai) bằng Kỹ sư thực hành Kiểm soát không lưu cho các sinh viên tốt nghiệp trình độ Cao đẳng - Đợt 2/2022 (Theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Đào tạo, các Khoa, đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

-Như điều 2;

-Lưu VT



TS. Nguyễn Thanh Dũng



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG - ĐỢT 2/2022**

(Đính kèm quyết định số: 463 /QĐ-HVHKVN ngày 29/06/2022)

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
1	1711150032	Nguyễn Ngọc	Hà	11/12/1999	17CĐTM01	2.39	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
2	1711150025	Lương Thế	Tài	20/04/1999	17CĐTM01	2.29	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
3	1811150002	Tô Nguyễn Minh	Anh	02/01/2000	18CĐTM01	2.71	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
4	1811150023	Trần Thị Mỹ	Liên	03/08/2000	18CĐTM01	2.71	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
5	1811150033	Lê Phương	Linh	19/11/2000	18CĐTM01	2.44	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
6	1811150039	Hoàng Hà Phi	Long	22/09/2000	18CĐTM01	2.38	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
7	1811150022	Vũ Thu	Uyên	04/11/2000	18CĐTM01	2.35	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
8	1811150051	Đinh Thị Hồng	Đào	15/07/2000	18CĐTM02	2.33	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
9	1811150073	Lương Trúc	Linh	01/12/2000	18CĐTM02	2.58	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
10	1811150065	Trần Thị Phương	Nga	29/10/2000	18CĐTM02	2.29	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
11	1811150095	Dương Tú	Ngân	25/12/2000	18CĐTM02	2.4	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
12	1811150088	Lê Thị Ngọc	Nhi	09/10/2000	18CĐTM02	2.24	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
13	1811150066	Phạm Thúy	Nhi	11/10/2000	18CĐTM02	2.05	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
14	1811150057	Nguyễn Thị Thu	Trang	15/02/2000	18CĐTM02	2.28	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
15	1811150059	Tôn Nữ Kiều Hải	Vy	08/03/2000	18CĐTM02	2.48	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
16	1811150126	Nguyễn Thị Khánh	Linh	10/10/2000	18CĐTM03	2.32	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
17	1811150127	Nguyễn Thị Khánh	Ly	10/10/2000	18CĐTM03	2.4	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
18	1711210017	Ngô Thanh	Hà	18/01/1999	17CĐKL01	2.62	Khá	Kiểm soát không lưu
19	1711210032	Nguyễn Thị Thùy	Linh	03/10/1999	17CĐKL01	2.49	Trung bình	Kiểm soát không lưu
20	1711210039	Vũ Bích Ngọc	Linh	21/11/1999	17CĐKL01	2.51	Khá	Kiểm soát không lưu
21	1811210027	Nguyễn Thị Vân	Anh	03/11/2000	18CĐKL01	2.86	Khá	Kiểm soát không lưu
22	1811210037	Vũ Ngọc Trâm	Anh	05/01/2000	18CĐKL01	3.08	Khá	Kiểm soát không lưu
23	1811210009	Đinh Xuân	Bách	27/10/2000	18CĐKL01	2.78	Khá	Kiểm soát không lưu





Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
24	1811210039	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	31/10/2000	18CĐKL01	2.63	Khá	Kiểm soát không lưu
25	1811210015	Phạm Quỳnh	Như	08/12/2000	18CĐKL01	2.84	Khá	Kiểm soát không lưu
26	1811210026	Lê Mai Quỳnh	Trang	18/12/2000	18CĐKL01	2.38	Trung bình	Kiểm soát không lưu
27	1811210008	Đỗ Thị Kim	Vân	09/10/2000	18CĐKL01	2.8	Khá	Kiểm soát không lưu
28	1811210033	Nguyễn Phi	Vân	16/12/2000	18CĐKL01	2.83	Khá	Kiểm soát không lưu
29	1811210017	Trần Thị Thúy	Yên	19/05/2000	18CĐKL01	2.54	Khá	Kiểm soát không lưu
30	1711010045	Phan Công	Danh	29/09/1998	17CĐAN01	2.71	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
31	1811010009	Trần Gia	Bảo	11/10/2000	18CĐAN01	2.43	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
32	1811010053	Phạm Huy	Khanh	01/11/2000	18CĐAN01	2.4	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
33	1811010005	Nguyễn Xuân	Quyết	12/02/1995	18CĐAN01	2.44	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
34	1711020016	Nguyễn Đình	Sơn	20/10/1999	17CĐCK01	2.62	Khá	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
35	1811020025	Nguyễn Anh	Khoa	15/11/2000	18CĐCK01	2.02	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
36	1811020021	Đặng Minh	Long	19/05/2000	18CĐCK01	2.01	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
37	1811020008	Lê Phạm Hoàng	Phi	08/05/2000	18CĐCK01	2.73	Khá	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
38	1811020005	Trần Trung	Tín	18/03/2000	18CĐCK01	2.11	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
39	1811020015	Nguyễn Tuấn	Trường	02/06/1997	18CĐCK01	2.19	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
40	1811020033	Bùi Thế	Vũ	28/11/1999	18CĐCK01	2.22	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
41	1910000012	Đoàn Xuân	Biển	18/04/1999	19CĐCK01	2.7	Khá	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
42	1910000007	Lê Quân	Thụy	19/08/1997	19CĐCK01	2.45	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay

Tổng cộng danh sách này có **42** sinh viên được công nhận tốt nghiệp.